

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1640*/LĐTBXH-KHTC

Hà Nội, ngày *02* tháng 5 năm 2018

V/v báo cáo đánh giá bổ sung kết quả
thực hiện năm 2017 và triển khai kế
hoạch phát triển KT-XH năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Kinh tế của Quốc hội khóa XIV

Thực hiện Công văn số 935/UBKT14 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Khóa XIV về việc báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội; trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện năm 2017, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ 4 tháng đầu năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và gửi Báo cáo “Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện năm 2017; triển khai kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 lĩnh vực lao động, người có công và Xã hội” (báo cáo gửi kèm theo).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Ủy ban./.

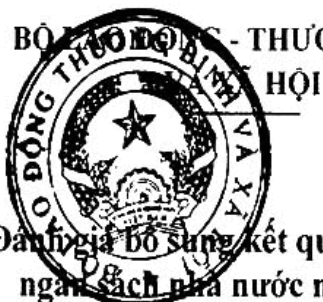
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện năm 2017; triển khai kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 lĩnh vực lao động, người có công và Xã hội
(Kèm theo công văn số 1640/LĐTĐXH-KHTC ngày 02 tháng 5 năm 2018)

Phần thứ nhất THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI

I KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2017 (BỔ SUNG)

Năm 2017, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương; sự đồng thuận của toàn xã hội; với sự chủ động, linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, kiên trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Bộ, ngành và sự đoàn kết, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, toàn ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã đạt được những kết quả tích cực, kết quả cụ thể như sau:

Với chủ đề năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là năm “Đền ơn, đáp nghĩa”, cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành đã tổ chức nhiều hoạt động đền ơn, đáp nghĩa thiết thực, trọng thể kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Tập trung giải quyết hồ sơ tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công với cách mạng với cách làm sáng tạo, linh hoạt, dân chủ, công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 03 chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao, góp phần cùng cả nước hoàn thành toàn diện 13 chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội giao (tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 3,18%; tỷ lệ lao động qua đào tạo 56%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 22,5%; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,51% so với cuối năm 2016, riêng các huyện nghèo giảm trên 5%); các lĩnh vực của ngành có nhiều chuyển biến tích cực so với năm 2016, đều đạt và vượt kế hoạch đề ra (đặc biệt, lần đầu tiên đã đưa trên 134 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay, đạt 100,2%). An sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đi vào thực chất với các hoạt động thiết thực, “không để ai bị bỏ lại phía sau”; công tác người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; phòng, chống tệ nạn xã hội... được quan tâm chỉ đạo, đạt kết quả tích cực.

Hoàn thành 100% các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chất lượng, tiến độ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

(Kết quả thực hiện năm 2017 cụ thể theo phụ lục đính kèm).

II. VỀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ

1.1. Chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao

- (1) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.
- (2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58 - 60% (trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng/chứng chỉ là 23 - 23,5%).
- (3) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm 1 - 1,5%; trong đó, bình quân các huyện nghèo giảm trên 4%.

1.2. Chỉ tiêu kế hoạch ngành

- (1) Giải quyết việc làm cho 1.600 nghìn người lao động, trong đó: (i) Tạo việc làm trong nước cho 1.490 nghìn người; (ii) Số người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là 110 nghìn người. Phần đầu đạt tỷ lệ mỗi giới trong tổng số lao động được tạo việc làm tối thiểu 48%.
- (2) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động: 26,5 - 28%.
- (3) Giáo dục nghề nghiệp:
 - Tuyển mới giáo dục nghề nghiệp khoảng 2,2 triệu người, trong đó: (i) Trình độ trung cấp và cao đẳng là 540 nghìn người; (ii) trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng khoảng 1.660 nghìn người (trong đó, hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn khoảng 600.000 người).
 - Tốt nghiệp học nghề theo các trình độ đào tạo khoảng 2.132 nghìn người, trong đó: Cao đẳng và trung cấp khoảng 472 nghìn người; sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng khoảng 1.660 nghìn người.
- (4) 99% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú; 98,5% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công.
- (5) 100% các đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 83% các đối tượng người khuyết tật được tiếp cận tối thiểu một trong các dịch vụ xã hội.
- (6) 88% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp; 83% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
- (7) Phòng chống tệ nạn xã hội:
 - Đảm bảo 100% người nghiện có quyết định của Tòa án được đưa vào điều trị tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc.
 - Số người bán dâm được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội khoảng 15.000 lượt người; tư vấn, hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm cho 5.000 lượt người.
 - 100% các trường hợp nạn nhân bị mua bán đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật; đa dạng các hình thức hỗ trợ sinh kế phù hợp.

2. Kết quả thực hiện 4 tháng đầu năm

2.1. Về triển khai kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018

(1) Triển khai Nghị quyết số 48/2017/QH14 ngày 10/11/2017 của Quốc hội Khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai các hoạt động cụ thể như sau:

- Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác toàn ngành năm 2018 theo hình thức trực tuyến vào ngày 17/01/2018 để thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017, thống nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2018.

- Phân bổ, giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 đảm bảo đúng thời gian quy định cho từng địa phương, đơn vị để chủ động triển khai thực hiện ngay từ đầu năm; hướng dẫn các địa phương thực hiện dự toán kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công năm 2018; công khai tài chính trong phân bổ vốn đầu tư công năm 2018.

- Xây dựng Chương trình công tác lĩnh vực Lao động - Người có công và Xã hội năm 2018 với các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu; đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố. Xây dựng kịch bản tăng trưởng ngành năm 2018 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung, báo cáo Chính phủ.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị chức năng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch công tác và chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm; nắm bắt tình hình thực tế liên quan đến các lĩnh vực của ngành để kịp thời xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 22/12/2017 của Ban Bí thư về việc tổ chức Tết năm 2018, Chỉ thị số 48/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành nhằm bình ổn giá thị trường bảo đảm trật tự an toàn xã hội dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, Bộ đã có các công văn gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với các địa phương tiến hành rà soát hộ gia đình người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, người dân vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh... để chuẩn bị kế hoạch thăm hỏi, tặng quà. Rà soát, nắm tình hình nợ lương, nợ tiền tham gia bảo hiểm xã hội đối với người lao động; vận động các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp quan tâm, chăm lo đời sống người lao động, nhất là lao động ngoại tỉnh làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất do điều kiện kinh tế khó khăn không thể về quê ăn Tết. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, ngân sách địa phương các cấp đã dành khoảng trên 2.852 tỷ đồng với 4,7 triệu suất quà cho đối tượng chính sách ưu đãi

người có công; hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; công nhân viên chức lao động đã nghỉ hưu, mất sức; người lao động có hoàn cảnh khó khăn,... Một số địa phương có mức tăng quà lớn như thành phố Hồ Chí Minh chỉ 696,8 tỷ đồng, Hà Nội chỉ 429,7 tỷ đồng, Hải Phòng 210 tỷ đồng, Quảng Ninh chỉ 61,9 tỷ đồng,...

- Đồng thời, trong 4 tháng đầu năm Lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã dành nhiều thời gian đi địa phương, cơ sở để kiểm tra, nắm bắt tình hình, chỉ đạo thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành cũng như lắng nghe kiến nghị của địa phương; chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ tăng cường công tác theo dõi, nắm tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về lao động - người có công và xã hội tại địa phương; qua đó kịp thời xử lý, giải quyết các vấn đề nảy sinh hoặc tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

(2) Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 cho từng đơn vị để thực hiện¹. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Bộ luật Lao động (sửa đổi) và Chính phủ đã có Tờ trình số 43/TTr-CP ngày 28/02/2018 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019; điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, trong đó đề nghị dự án Bộ luật Lao động (sửa đổi) trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV, trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV. Các văn bản khác đang triển khai đảm bảo đúng tiến độ được giao. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định từ Chương trình công tác năm 2017 chuyển sang².

2.2. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ 4 tháng đầu năm

2.2.1. Về lao động – việc làm

(1). Phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm

Chỉ đạo các địa phương theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc biệt là thời điểm sau Tết Nguyên đán; có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động sau tết và chỉ đạo Ban quản lý tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và trung tâm dịch vụ việc làm của các tỉnh, thành phố nắm bắt nhu cầu lao động của các doanh nghiệp để có biện pháp cung ứng lao động kịp thời, bảo đảm ổn định, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt lao động; cập nhật thông tin và báo cáo về diễn biến thị trường lao động kịp thời theo yêu cầu của Chính phủ.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường lao động. Tổ chức Hội nghị triển khai Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm năm

¹ Cụ thể: hoàn thiện 02 đề án trình Quốc hội (Bộ luật lao động sửa đổi, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng sửa đổi); 13 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định của Chủ tịch nước; 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 28 Thông tư của Bộ và 01 Quyết định của Bộ trưởng).

² Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 về việc quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020.

2018 thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020; Hội thảo “Định hướng triển khai đánh giá xếp hạng kết quả hoạt động của các Trung tâm Dịch vụ việc làm” và hội thảo tham vấn Báo cáo “Tương lai bức tranh việc làm của Việt Nam: Tổng quan”.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp duy trì và phát triển thị trường; ký Bản ghi nhớ (MOU) về phái cử và tiếp nhận lao động Việt Nam sang làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài; Báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp giảm lao động cư trú, làm việc bất hợp pháp tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS năm 2017; chỉ đạo doanh nghiệp giải quyết dứt điểm các vụ việc phát sinh, chấn chỉnh một số doanh nghiệp còn nhiều vụ việc tồn đọng liên quan đến người lao động tại các thị trường tiếp nhận lao động xảy ra tại Đài Loan, Indonesia, Ả rập Xê út, Algeria.

Ước 4 tháng đầu năm cả nước giải quyết việc làm cho gần 500 nghìn lao động, đạt 31,2% kế hoạch; trong đó: tạo việc làm trong nước cho 460 nghìn người, đưa gần 40 nghìn người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi quý I/2018 ước tính là 2,2%, trong đó khu vực thành thị là 3,13%; khu vực nông thôn là 1,73%³.

(2). Thực hiện các chính sách về tiền lương, quan hệ lao động, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động; quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam

Tiếp tục hoàn thiện Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất kinh doanh, Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (chuẩn bị trình Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ bảy Khóa XII)⁴.

Hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách về bảo hiểm xã hội, tiền lương, quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động; chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; Hướng dẫn các địa phương triển khai các biện pháp tăng cường tuân thủ pháp luật lao động, thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội⁵, bảo hiểm thất nghiệp. Ban hành Kế hoạch tổ chức Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động năm 2018; tăng cường công tác quản lý máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; rà soát, kiểm tra các khu vực có nhiều nguy cơ mất an toàn lao động nhằm bảo đảm an toàn tối đa cho người lao động và nhân dân.

Theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp⁶; quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (tính đến

³ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê.

⁴ Bộ đã báo cáo tại phiên họp toàn thể lần thứ 8 của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội ngày 23/4.

⁵ Quý I/2018 tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 26% lực lượng lao động.

⁶ Từ ngày 01/04/2018 đến ngày 18/04/2018: Số người đến nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp là 41.576 người; số có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 32.094 người; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 59.081 lượt người; số người được hỗ trợ học nghề là 1.353 người.

tháng 4/2018 trên cả nước có khoảng 82 nghìn lao động người nước ngoài đang làm việc⁷).

(3) Về giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2018 về giáo dục nghề nghiệp và Hội nghị triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo chuyên môn theo các bộ chương trình chuyển giao từ Úc. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP. Đến hết tháng 4/2018 cả nước có 1.954 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (*trong đó có 394 trường cao đẳng, 515 trường trung cấp và 1.045 trung tâm giáo dục nghề nghiệp*). Cả nước có 503 huyện của 51 tỉnh sáp nhập (*giảm được 329 Trung tâm công lập cấp huyện*) theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề, lập nghiệp: phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức 3 ngày hội và 14 chương trình “Tư vấn tuyển sinh - Hướng nghiệp năm 2018” tại 17 tỉnh, thành phố; chuẩn bị tổ chức 02 hội nghị đánh giá công tác tuyển sinh, thi tốt nghiệp và giải quyết việc làm năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018; phát hành cuốn sách “Những điều cần biết về tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2018” và ấn phẩm “Giáo dục nghề nghiệp vì một tương lai bền vững”; tăng cường tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp qua các phương tiện thông tin đại chúng...

Triển khai đồng bộ các chương trình, dự án giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho 2.000 người lao động; chuẩn bị tổ chức kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ X năm 2018; tham dự Hội nghị uỷ ban kỹ thuật lần thứ nhất Kỳ thi tay nghề ASEAN XII. Tiếp tục các giải pháp thúc đẩy đào tạo gắn với doanh nghiệp: tổ chức làm việc với một số doanh nghiệp, hiệp hội (Tập đoàn Mường Thanh, Vingroup, Hiệp hội siêu thị...) để phối hợp tổ chức đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp; tìm kiếm giải pháp để cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn kết hiệu quả với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo.

Kết quả, trong 4 tháng đầu năm 2018 ước tuyển sinh được 543.200 người (đạt 25% kế hoạch), trong đó: cao đẳng, trung cấp: 43.200 người, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác: 500.000 người (trong đó có 30.000 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề).

2.2.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; chỉ đạo các địa phương thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người có công với cách mạng. Hướng dẫn các địa phương thực hiện việc tặng quà Tết của Chủ tịch nước cho

⁷ Trong đó: (i) Số lao động thuộc diện cấp giấy phép lao động là 74.900 người, chiếm 91,3% tổng số người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đã cấp giấy phép lao động cho 69.202 người, đạt 92,4%; còn 5.698 người đang làm thủ tục cấp giấy phép lao động); (ii) số lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 7.100 người (chiếm 8,7% tổng số người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam).

người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất⁸. Tập trung thực hiện các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, huy động nguồn lực của xã hội, cộng đồng chăm lo đời sống người có công với cách mạng.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH ngày 20/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình giải quyết hồ sơ người có công tồn đọng, tính đến hết tháng 4/2018, toàn bộ số hồ sơ theo báo cáo của các địa phương đã cơ bản được giải quyết⁹. Thí điểm giải quyết hồ sơ tồn đọng trong lực lượng thanh niên xung phong.

Tiếp nhận 1.087 mẫu hài cốt liệt sĩ và 140 mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ, trong đó đã phân tích và trả kết quả được 87 trường hợp, báo tin mộ liệt sĩ tới 08 gia đình liệt sĩ.

2.2.3. Các lĩnh vực xã hội

(1). Về giảm nghèo

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020. Tiếp tục rà soát, đánh giá chính sách giảm nghèo theo kế hoạch; Trong đó tập trung vào 3 nhóm chính sách: Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin; phát triển hạ tầng các vùng khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao.

Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018. Phân bổ tiền thu được từ việc bán đấu giá áo thi đấu và trái bóng của Đội tuyển U23 Việt Nam tặng Thủ tướng Chính phủ làm quà tặng của Thủ tướng Chính phủ cho 20 huyện nghèo để thực hiện hỗ trợ 500 căn nhà cho hộ gia đình người có công với cách mạng và hộ gia đình nghèo.

Hướng dẫn, chỉ đạo địa phương thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, các dự án và chính sách giảm nghèo¹⁰.

⁸ Theo Quyết định số 47/QĐ-CTN ngày 15/01/2018 của Chủ tịch nước (với 2 mức 400.000 đồng và 200.000 đồng cho gần 1,9 triệu đối tượng, tổng kinh phí trên 386 tỷ đồng). Bên cạnh đó, các địa phương đã chủ động trích ngân sách của tỉnh, thành phố để tặng quà cho đối tượng chính sách người có công nhân với mức chi phổ biến từ 300.000 - 600.000 đồng/01 đối tượng, tổng kinh phí khoảng 1.174 tỷ đồng. Nhiều địa phương có mức chi quà cao như TP.Hồ Chí Minh (361 tỷ đồng), Hà Nội (trên 111 tỷ đồng), Hải Phòng (trên 144 tỷ đồng), Bình Dương (trên 73 tỷ đồng), Đà Nẵng (22,3 tỷ đồng), Thái Bình (37,4 tỷ đồng), Nghệ An (12,9 tỷ đồng)...

⁹ Trình Thủ tướng cấp 1.250 bằng Tổ quốc ghi công, 2.500 thương binh, hưởng chính sách như thương binh, cấp đôi lại trên 50.000 bằng Tổ quốc ghi công).

¹⁰ Tính đến nay đã thực hiện cho vay tín dụng ưu đãi cho khoảng 810 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác với doanh số cho vay đạt 21.216 tỷ đồng (trong đó, doanh số lũy kế từ đầu năm đối với hộ nghèo là 2.668 tỷ đồng, hộ cận nghèo là 2.985 tỷ đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo là 3.129 tỷ đồng). Ngân sách trung ương bố trí 2.987 tỷ đồng thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo, dạy nghề; 3.024 tỷ đồng hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên, trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người hiến tạng; 1.850 tỷ đồng hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, kinh phí trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, kinh phí trợ giúp pháp lý.

(2). Về bảo trợ xã hội

Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tập trung rà soát, nắm bắt cụ thể tình hình đời sống của các đối tượng chính sách (người có công, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người dân ở vùng bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, bão lũ...) để quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác bảo trợ xã hội, bao gồm các nội dung chính: Phát triển nghề công tác xã hội, chăm sóc sức khỏe tâm thần, quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách trợ giúp xã hội. Hội thảo “Rà soát quy trình, thủ tục triển khai chính sách trợ giúp xã hội và tiếp cận đối với nhóm dân tộc thiểu số”; Hội thảo tham vấn xây dựng Khung chính sách thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”. Thực hiện việc chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội kịp thời, đầy đủ.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà đúng đối tượng, đúng chế độ, tránh trùng lặp, chồng chéo, đảm bảo tất cả các đối tượng chính sách đều có quà và được nhận quà trước Tết¹¹; trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ tổng số 16.995,138 tấn gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất và giáp hạt năm 2018 cho 1.139.548 nhân khẩu của 20 địa phương, trong đó: Hỗ trợ cứu đói Tết: 11.848,293 tấn gạo cho 796.425 nhân khẩu; hỗ trợ cứu đói giáp hạt: 5.146,845 tấn gạo cho 343.123 nhân khẩu.

(3). Về bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Chỉ đạo các địa phương bảo đảm cho mọi trẻ em được đón Tết vui tươi, đầm ấm; tổ chức các hoạt động vui chơi lành mạnh, an toàn, tiết kiệm cho trẻ em¹². Tăng cường công tác bảo vệ trẻ em; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục¹³; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em¹⁴; bảo đảm an toàn thực phẩm cho trẻ em; khi các vụ việc xảy ra, các cơ quan chức năng đã chủ động vào cuộc, kịp thời chỉ đạo và phối hợp thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn để hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại cũng như xử lý các đối tượng xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em; ý thức của người dân đang dần được nâng cao trong việc thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

Tổ chức chương trình “Mùa xuân cho em” lần thứ 11; qua Chương trình, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đã tiếp nhận gần 96 tỷ đồng của các tổ chức, cá

¹¹ Ước kinh phí trợ giúp Tết cho các đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1.166 tỷ đồng. Ngân sách các địa phương đã dành khoảng 544 tỷ đồng để trao cho trên 1,45 triệu suất quà cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo. Nhiều địa phương đã dành một khoản ngân sách nhất định để tổ chức mừng thọ người cao tuổi, với tổng số khoảng 548 ngàn suất quà, giá trị 259 tỷ đồng.

¹² Cả nước đã có trên 153 nghìn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, trẻ em đang nằm điều trị trong các bệnh viện trong những ngày Tết, trẻ em trong các trường giáo dưỡng... được thăm hỏi tặng quà với tổng giá trị trên 47,1 tỷ đồng. Cũng trong dịp Tết Nguyên đán, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam phối hợp với các địa phương tổ chức thăm, tặng quà cho trên 19 ngàn trẻ em tại 30 tỉnh, thành phố với kinh phí trên 7,3 tỷ đồng.

¹³ Theo thống kê (từ điểm báo, báo) trong 4 tháng đầu năm toàn quốc có có 127 trẻ em bị xâm hại, trong đó 52 trẻ em bị bạo lực, 43 trẻ em bị xâm hại tình dục.

¹⁴ Theo tổng hợp (từ điểm báo, báo) trong 4 tháng đầu năm 2018 cả nước có 45 vụ tai nạn thương tích trẻ em, trong đó có 21 vụ đuối nước trẻ em (lâm tử vong 34 trẻ em).

nhân, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước. Ban hành kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2018 với chủ đề “Vì cuộc sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em trong thế giới công nghệ số”. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc trẻ em¹⁵.

(4). Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới năm 2018, trong đó chú trọng các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực, xây dựng kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới từ 15/11 đến 15/12 năm 2018, triển khai Dự án Hỗ trợ thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và các chương trình, đề án khác về bình đẳng giới. Khởi động điều tra quốc gia lần thứ 2 về sức khỏe của phụ nữ và kinh nghiệm cuộc sống; xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện Luật bình đẳng giới và mục tiêu quốc gia bình đẳng giới năm 2017 và báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình; chuẩn bị nội dung và tổ chức Đoàn công tác tham dự khóa họp lần thứ 62 của Ủy ban Địa vị của phụ nữ tại New York từ ngày 12/3 đến ngày 16/3.

(5). Về phòng, chống tệ nạn xã hội

Tăng cường công tác phòng, chống mại dâm và cai nghiện ma túy; chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt việc tổ chức cho học viên trong các cơ sở cai nghiện đón Tết vui vẻ, an toàn, tiết kiệm; xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự trong các cơ sở cai nghiện và đảm bảo tuyệt đối không để xảy ra tình trạng học viên bỏ trốn tập thể, phá hoại cơ sở vật chất, gây mất ổn định tình hình chính trị - xã hội tại địa phương. 4 tháng đầu năm đã tổ chức cai nghiện ma túy cho 1.345 người; trong đó có 479 người cai nghiện bắt buộc; 220 học viên cai nghiện tự nguyện; cai nghiện tại cơ sở tư nhân 110 học viên; quản lý tại các cơ sở xã hội 536 học viên.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phòng, chống mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán¹⁶.

2.2.4. Cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra và thông tin, tuyên truyền

Triển khai công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin, xác định các nhiệm vụ cụ thể cần tập trung chỉ đạo thực hiện cho năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020; trong đó tập trung vào rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực của Bộ, ngành có tác động nhiều đến người dân, doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chính phủ; tăng cường cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của Bộ, của từng đơn vị. phấn đấu giảm từ 1/3 đến 1/2 thủ tục hành chính, 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực

¹⁵ Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em đã tư vấn 10.305 ca (tăng 2.053 ca so với 4 tháng đầu năm 2017), hỗ trợ can thiệp 262 ca (tăng 64 ca), trong đó có 116 ca bạo lực trẻ em, 76 ca xâm hại tình dục trẻ em và 30 ca các vấn đề khác (trẻ em bị mua bán, trẻ em cần làm giấy khai sinh, tranh chấp quyền nuôi con, hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật,...).

¹⁶ Đường dây nóng phòng chống mua bán người trong 4 tháng đầu năm đã tư vấn 705 ca, kết nối, chuyển tuyến để giải cứu và hỗ trợ cho 11 nạn nhân của mua bán người.

tuyển mức độ 3 - 4 đối với các thủ tục hành chính về lao động, người có công và xã hội...; cải cách bộ máy hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nắm tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại các địa phương; giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, đặc biệt đối với lĩnh vực người có công. Làm tốt công tác thông tin, báo cáo giữa Thanh tra Bộ, các đơn vị chức năng thuộc Bộ với các địa phương, không để xảy ra tụ tập khiếu kiện, tố cáo đông người trước trụ sở cơ quan Trung ương dịp Tết Nguyên đán và đầu năm 2018, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Trong 4 tháng đầu năm 2018, Thanh tra Bộ đã tiến hành thanh tra, kiểm tra theo đúng kế hoạch; ban hành 110 kết luận và 1.103 kiến nghị; 22 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 1.208 triệu đồng. Làm tốt công tác tiếp công dân; xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo¹⁷.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Ban Cán sự đảng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XII.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội; thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

3. Nhiệm vụ trọng tâm các tháng cuối năm 2018

(1). Thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng xây dựng các đề án theo Chương trình công tác năm 2018 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ. Trong đó: Tập trung nghiên cứu, sửa đổi toàn diện Bộ luật lao động trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 vào tháng 5/2019 và thông qua tại kỳ họp thứ 8 vào tháng 10/2019; nghiên cứu sửa đổi toàn diện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị trình Chính phủ vào tháng 9/2018 và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào tháng 11/2018; tập trung hoàn thiện Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất, kinh doanh và Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, trình Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII vào tháng 05/2018.

(2). Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nghề nghiệp chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên đào tạo, đào tạo lại nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. Làm tốt công tác tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp năm 2018 theo phương châm lấy chất lượng và hiệu quả đào tạo là mục tiêu hàng đầu;

¹⁷ 4 tháng đầu năm Bộ đã tiếp 258 lượt công dân (trong đó có 10 đoàn đông người); xử lý 1.622 đơn thư và giải quyết 03 vụ khiếu nại và 01 vụ tố cáo.

lấy người học làm chủ và đặt hàng chỉ tiêu đào tạo theo sản phẩm đầu ra; tổ chức đào tạo gắn với nhu cầu việc làm của người học và nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Tập trung hoàn thiện, triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ quốc gia; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

(3). Tiếp tục các giải pháp phát triển thị trường lao động, thực hiện tự do chuyển dịch lao động, bảo đảm tính linh hoạt và thống nhất của thị trường lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động, thu thập, cập nhật, phân tích dữ liệu thị trường lao động; đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu lao động trên thị trường. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động. Nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển thị trường lao động gắn với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động để hình thành thị trường lao động đồng bộ và đáp ứng yêu cầu kết nối cung cầu lao động. Thực hiện hiệu quả chương trình, đề án, chính sách về giải quyết việc làm, đảm bảo việc làm ổn định cho lao động nữ, đặc biệt là lao động nữ trên 35 tuổi làm việc tại các khu công nghiệp. Thực hiện các giải pháp ổn định, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, nhất là thị trường xuất khẩu lao động với các nghề yêu cầu có kỹ năng nghề cao; quản lý chặt chẽ, bảo vệ tốt quyền lợi của người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

(4). Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động: Hướng dẫn, phổ biến, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động - tiền lương; sắp xếp lại lao động trong các doanh nghiệp để đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Chủ động theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động. Tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Trình ban hành đề án giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giao cho địa phương. Thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động. Triển khai tổ chức các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động năm 2018.

(5). Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công. Giải quyết căn bản hồ sơ đang còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công. Phối hợp triển khai việc thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt, xác định danh tính liệt sĩ thiếu thông

tin. Chuẩn bị sơ kết 01 năm triển khai thực hiện việc giải quyết hồ sơ người có công tồn đọng theo quy Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH ngày 20/3/2017 của Bộ. Chuẩn bị sơ kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm chi trả chính sách người có công thông qua tổ chức dịch vụ.

(6). Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Tập trung thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thực chất, hạn chế tái nghèo. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sửa đổi, bổ sung, tích hợp chính sách giảm nghèo. Thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

(7). Làm tốt công tác trợ giúp xã hội: Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và các chính sách trợ giúp xã hội, bảo đảm 100% các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội được thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội và các chính sách phúc lợi xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội đồng bộ; cải cách hệ thống chi trả chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm chi trả kịp thời, đúng đối tượng và thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công chuyên nghiệp.

(8). Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra bạo lực, bạo hành trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em.

(9). Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách, chương trình liên quan đến bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; chú trọng xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử.

(10). Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm. Tổng kết, đánh giá và có các giải pháp hiệu quả đối với mô hình cai nghiện ma túy tại cộng đồng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 - 2020; làm tốt công tác xác minh, bảo vệ và trợ giúp nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng.

(11). Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ; triển khai dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực trọng điểm như Giáo dục nghề nghiệp, Bảo trợ xã hội, An toàn lao động; tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính, bộ máy hành chính; xây dựng đội ngũ cán

bộ. Toàn ngành cắt giảm, cắt bỏ và đơn giản hóa tối thiểu 50% thủ tục hành chính (TTHC), thực hiện việc rà soát, loại bỏ các TTHC không cần thiết, gây khó khăn cho người dân, quyết tâm cải cách TTHC để phục vụ tốt hơn chức năng quản lý nhà nước. Thực hiện đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

(12). Chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Chương trình đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chương trình hành động của Chính phủ. Đẩy mạnh các hoạt động đa phương, phát huy vai trò và đóng góp của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng sông Mê Kông... trong lĩnh vực lao động, xã hội. Tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Thúc đẩy triển khai các thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hợp tác với các nước và mở rộng, ký mới với các nước trong nhiều lĩnh vực.

(13). Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; phổ biến, giải thích chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

(14). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, trục lợi chính sách. Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(15). Làm tốt công tác dân vận, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở các cấp, các địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội. Theo dõi sát tình hình thực hiện kế hoạch, kịp thời nắm bắt những diễn biến bất lợi để đề xuất các biện pháp xử lý. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các giải pháp cụ thể để đảm bảo thực hiện thắng lợi, toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của ngành năm 2018.

Phần thứ Hai
THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2017

1. Dự toán chi thường xuyên (phần chi tiêu trực tiếp tại Bộ)

Dự toán ngân sách 2017 được giao:

1.1. Dự toán thu, chi từ phí, lệ phí

- Thu phí, lệ phí: 23.550 triệu đồng.
- Số chi từ phí để lại: 7.840 triệu đồng.
- Số phí, lệ phí nộp NSNN: 15.710 triệu đồng.

1.2. Dự toán chi thường xuyên (Vốn sự nghiệp)

Tổng dự toán: 1.631.744 triệu đồng.

- Vốn trong nước: 824.904 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 17.080 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp kinh tế: 27.300 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 2.500 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: 391.169 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 269.283 triệu đồng (bao gồm 713 triệu đồng chi trợ cấp tăng thêm theo Nghị định số 70/2017/NĐ-CP cho đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở trực thuộc Bộ).
- + Chi quản lý hành chính nhà nước: 117.572 triệu đồng.
- Vốn ngoài nước: 806.840 triệu đồng.
- + Vốn vay: 606.840 triệu đồng.
- + Vốn viện trợ: 200.000 triệu đồng.
- 1.3. Chi thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công: 31.081.215 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 29.700.000 triệu đồng.
- Chi trợ cấp một lần: 400.000 triệu đồng.
- Chi trợ cấp ưu đãi tăng thêm theo Nghị định số 70/2017/NĐ-CP: 981.215 triệu đồng.

2. Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu

2.1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững:

2.1.1. Về nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí cho Chương trình:

- Vốn sự nghiệp năm 2017: Tổng kinh phí 2.231 tỷ đồng, gồm:
- + Dự án 1 - Chương trình 30a: 1.041 tỷ đồng.

- + Dự án 2 - Chương trình 135: 980 tỷ đồng.
- + Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: 100 tỷ đồng;
- + Dự án 4 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 60 tỷ đồng.
- + Dự án 5 - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: 50 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư năm 2017: Tổng kinh phí 5.000 tỷ đồng, gồm:
 - + Dự án 1 - Chương trình 30a: 2.195,8 tỷ đồng.
 - + Dự án 2 - Chương trình 135: 2.804,2 tỷ đồng.

2.1.2. Kinh phí thực hiện tại Bộ LĐTBXH là: 54.474 triệu đồng.

2.2. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới - Nội dung “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”

2.2.1. Về nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí cho Chương trình năm 2017 (vốn sự nghiệp):

Căn cứ Công văn số 13885/BTC-NSNN ngày 03/10/2016 của Bộ Tài chính về việc thông báo kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 4051/LĐTBXH-KHHC ngày 14/10/2016 gửi Bộ Tài chính về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017, trong đó đã xây dựng phương án phân bổ vốn sự nghiệp là 540 tỷ (Trung ương 65 tỷ đồng; Địa phương 475 tỷ đồng) gồm: (i) Kinh phí đào tạo nghề là 464 tỷ đồng (Trung ương 59 tỷ đồng; Địa phương 405 tỷ đồng); (ii) Kinh phí hỗ trợ đầu tư CSVC, thiết bị là 76 tỷ đồng (Trung ương 6 tỷ đồng; Địa phương 70 tỷ đồng).

2.2.2. Về thông báo ngân sách của Chương trình năm 2017:

Ngày 29/11/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 2309/QĐ-TTg giao ngân sách Trung ương 8.000 tỷ (Vốn đầu tư là 6.000 tỷ, Vốn sự nghiệp là 2.000 tỷ) để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017, trong đó đã phân bổ chung cả Chương trình là 7.240 tỷ đồng (Vốn đầu tư là 5.400 tỷ, Vốn sự nghiệp là 1.840 tỷ) và giao hoàn toàn cho địa phương thực hiện (không giao riêng cho nội dung Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn).

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 875/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 về việc giao dự toán bổ sung từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017 và Bộ Tài chính có Quyết định số 1275/QĐ-BTC ngày 10/7/2017 về việc giao bổ sung từ ngân sách trung ương năm 2017 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp) cho các Bộ, ngành, trong đó Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được thông báo kinh phí thực hiện là 11.200 triệu đồng.

2.3. Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội

2.3.1. Việc phê duyệt, hướng dẫn triển khai Chương trình:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020.

2.3.2. Kinh phí thực hiện năm 2017 (vốn sự nghiệp):

Ngày 10/5/2017, Bộ Tài chính có Công văn số 6037/BTC-NSNN thông báo kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2017 là 212 tỷ đồng (trong đó 12 tỷ đồng chuyển nguồn từ năm 2016 sang năm 2017). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2424/LĐTBXH-KHTC ngày 13/6/2017 gửi Bộ Tài chính phân bổ và đề xuất bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2017 là: 598,479 tỷ đồng (số đã được Bộ Tài chính thông báo là 212 tỷ đồng; số đề nghị bổ sung để đảm bảo nhiệm vụ đã được phê duyệt là 386,479 tỷ đồng) và Công văn số 3267/LĐTBXH-KHTC ngày 09/8/2017 điều chỉnh phân bổ kinh phí thực hiện.

Ngày 04/10/2017, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1490/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2017 và Bộ trưởng Bộ Tài chính có Quyết định số 2008/QĐ-BTC ngày 06/10/2017 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2017; trong đó, kinh phí thực hiện tại Bộ LĐTBXH là 67.966 triệu đồng.

2.4. Chương trình MT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và ATLĐ

2.4.1. Về phê duyệt, hướng dẫn triển khai Chương trình:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm - An toàn lao động giai đoạn 2016-2020.

2.4.2. Về dự toán ngân sách 2017:

Ngày 06/7/2017, Bộ Tài chính có Công văn số 9065/BTC-NSNN thông báo kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2017 là 1.414.150 triệu đồng (trong đó 314.150 triệu đồng năm 2016 chưa phân bổ chuyển sang thực hiện năm 2017). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 3575/LĐTBXH-

KHTC ngày 28/8/2017 về dự kiến phân bổ và đề xuất bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2017 và Công văn số 4228/LĐTBXH-KHTC ngày 06/10/2017 điều chỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình năm 2017 gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ngày 06/11/2017, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1712/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động và Bộ trưởng Bộ Tài chính có các Quyết định thông báo kinh phí trên cho các Bộ, cơ quan Trung ương (Quyết định số 2438/QĐ-BTC ngày 27/11/2017, trong đó kinh phí thực hiện tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là 664.785 triệu đồng) và các địa phương (Quyết định số 2439/QĐ-BTC ngày 27/11/2017).

3. Tình hình triển khai Dự toán NSNN năm 2017:

- Đối với dự toán thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình mục tiêu: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư theo quy định.

- Đối với dự toán tại các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc Bộ đảm bảo về thời gian quy định và tổng mức, chi tiết được thông báo. Ước thực hiện năm 2017 giải ngân đạt khoảng 90%, do kinh phí thực hiện 2 Chương trình mục tiêu do Bộ chủ trì được Bộ Tài chính giao vào tháng 10/2017 sẽ được chuyển sang và tiếp tục triển khai trong năm 2018 theo quy định.

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2018

Bộ Tài chính có Quyết định số 2469/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 thông báo dự toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

1. Dự toán chi thường xuyên (vốn sự nghiệp)

Dự toán ngân sách 2018 được giao:

1.1. Dự toán thu, chi từ phí, lệ phí

- Thu phí, lệ phí: 26.700 triệu đồng.
- Số chi từ phí để lại: 8.850 triệu đồng.
- Số phí, lệ phí nộp NSNN: 17.850 triệu đồng.

1.2. Dự toán chi thường xuyên (Vốn sự nghiệp)

Tổng dự toán: 1.938.951 triệu đồng.

- Vốn trong nước: 1.525.851 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: 978.897 triệu đồng, trong đó:

(i) Chi thường xuyên: 289.780 triệu đồng.

(ii) Chi CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và ATLĐ: 661.050 triệu đồng

- (iii) Chi CTMTQG Xây dựng nông thôn mới: 24.500 triệu đồng.
 - (iv) Chi CTMTQG Giảm nghèo bền vững: 3.567 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 17.530 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: chi CTMT Y tế - dân số 100 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 3.400 triệu đồng, trong đó,
 - (i) Chi thường xuyên (Chi truyền thông xuất bản, báo chí): 400 triệu đồng.
 - (ii) Chi CTMT quốc gia Giảm nghèo bền vững: 3.000 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 3.800 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp kinh tế: 53.755 triệu đồng, trong đó:
 - (i) Chi thường xuyên: 34.450 triệu đồng.
 - (ii) Chi CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững: 19.305 triệu đồng.
 - + Chi quản lý hành chính nhà nước: 123.580 triệu đồng.
 - + Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 344.789 triệu đồng, trong đó:
 - (i) Chi thường xuyên: 269.340 triệu đồng.
 - (ii) Chi Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: 75.449 triệu đồng.
 - Vốn ngoài nước: 413.100 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn vay: 171.800 triệu đồng.
 - + Vốn viện trợ: 241.300 triệu đồng.
 - 1.3. Chi thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công: 30.523.300 triệu đồng.
 - Chi thường xuyên: 29.538.900 triệu đồng.
 - Chi trợ cấp một lần: 400.000 triệu đồng.
 - Chi mua bảo hiểm y tế: 1.164.400 triệu đồng.
- 2. Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu**
- 2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững:**
- 2.1.1. Dự án 1. Chương trình 30a:
- (i) Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo: 3.930.025 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn đầu tư: 3.763.375 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp: 166.650 triệu đồng.
 - (ii) Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 306.410 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn đầu tư: 290.000 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp: 17.410 triệu đồng.

(iii) Tiểu Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (vốn sự nghiệp): 776.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 4.729 triệu đồng.

(iv) Tiểu Dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (vốn sự nghiệp): 74.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 7.063 triệu đồng.

2.1.2. Dự án 2. Chương trình 135

(i). Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn: 2.957.802 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 2.809.802 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 148.000 triệu đồng.

(ii). Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn (vốn sự nghiệp): 707.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 4.000 triệu đồng.

(iii) Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn (vốn sự nghiệp): 156.000 triệu đồng.

2.1.3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (vốn sự nghiệp): 113.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 3.513 triệu đồng.

2.1.4. Dự án 4. Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin (vốn sự nghiệp): 99.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 3.000 triệu đồng.

2.1.5. Dự án Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá (vốn sự nghiệp): 63.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 3.567 triệu đồng.

2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới – Hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn (vốn sự nghiệp):

702.000 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 24.500 triệu đồng.

2.3. Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và ATLĐ

2.3.1. Dự án 1. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp: 1.321.480 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 100.000 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 1.221.480 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 661.050 triệu đồng (bao gồm: 9.780 triệu đồng kinh phí Hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ trình độ cao).

2.3.2. Dự án 2. Phát triển thị trường lao động và việc làm: 491.325 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 424.000 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 45.630 triệu đồng, trong đó: thực hiện tại Bộ 19.120 triệu đồng.

2.3.3. Dự án 3. Tăng cường an toàn, vệ sinh lao động (vốn sự nghiệp): 48.890 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 21.450 triệu đồng.

2.4. Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội

2.4.1. Dự án 1. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế: 581.140 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 450.000 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 131.140 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 30.740 triệu đồng.

2.4.2. Dự án 2. Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em (vốn sự nghiệp): 39.270 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 8.027 triệu đồng.

2.4.3. Dự án 3. Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới (vốn sự nghiệp): 25.250 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 12.072 triệu đồng.

2.4.4. Dự án 4. Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị buôn bán: 124.340 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 50.000 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 74.340 triệu đồng, trong đó: Thực hiện tại Bộ là: 24.610 triệu đồng.

3. Tình hình triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018

- Đối với dự toán thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình mục tiêu: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phân bổ gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư theo quy định.

- Đối với dự toán tại các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ: Thực hiện phân bổ và giao dự toán đảm bảo đúng về tổng mức, chi tiết và thời hạn quy định (Quyết định số 2068/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 2069/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2018 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Quyết định số 2093/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2018 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 cho các đơn vị dự toán trực thuộc). Thực hiện công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước theo quy định. Tính đến nay (18/4/2018), tổng kinh phí giải ngân là 7.679,7 tỷ đồng (số liệu báo cáo của KBNN Trung ương), đạt 23,59% dự toán của cả năm.

III. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017

1.1. Triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ

1.1.1. Tình hình triển khai thực hiện:

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; các Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai ngay công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 cho các chủ đầu tư dự án tại Quyết định số 1840/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2016 theo đúng quy định của Luật Ngân sách. Công tác phân bổ vốn đầu tư đã đảm bảo các nguyên tắc, quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Theo đó năm 2017, tổng số vốn đầu tư công của Bộ là 244,036 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước là 211,015 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 33,021 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2017, Bộ đã phân bổ cho 21 dự án đầu tư (trong đó có 4 dự án chuẩn bị đầu tư, 01 dự án khởi công mới, 7 dự án chuyển tiếp và 9 dự án kết thúc đầu tư).

- Bộ đã có nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017, tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017 và đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công theo Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ (*Công văn 5200/LĐTBXH-KHTC ngày 28/12/2016, số 835/LĐTBXH-KHTC ngày 8/3/2017, số 1504/LĐTBXH-KHTC ngày 20/4/2017, số 1548/LĐTBXH-KHTC, 1549/LĐTBXH-KHTC ngày 24/4/2017, 3498/LĐTBXH-KHTC ngày 21/8/2017*). Theo đó, các giải pháp chủ yếu là: Tích cực và chủ động đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 được giao; triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được duyệt; tổ chức lựa chọn nhà thầu công khai, minh bạch, rộng rãi, đảm bảo trình đúng trình tự, thủ tục nhằm đạt mục tiêu và hiệu quả trong lựa chọn nhà thầu; tăng cường giám sát đánh giá đầu tư, quản lý chất lượng công trình theo quy định.

- Trong năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thành công tác phân bổ, thông báo kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các chủ đầu tư dự án, các đơn vị được giao chuẩn bị đầu tư dự án theo các Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.1.2. Khó khăn, kiến nghị:

- Đề nghị Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm cấp vốn bổ sung trong năm 2017 cho các dự án thuộc tiêu chí không bị cắt giảm 10% tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 để các dự án chủ động kế hoạch thực hiện, giải ngân (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Tờ trình đã có Tờ trình số 68/TTr-LĐTBXH ngày 31/7/2017, Công văn số 3886/LĐTBXH-KHTC ngày 12/9/2017 và Công văn số 4402/LĐTBXH-KHTC ngày 18/10/2017 đề xuất bổ sung số vốn nêu trên*).

- Đề nghị Chính phủ sớm giao vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 từ nguồn thu để lại của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tạo chủ động cho Bộ trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2018.

1.2. Về tình hình giải ngân vốn đầu tư công năm 2017

Trong năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017. Bộ đã hướng dẫn Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tích cực và chủ động đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công năm 2017 được giao; triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được duyệt; tổ chức lựa chọn nhà thầu công khai, minh bạch, rộng rãi, đảm bảo trình đúng trình tự, thủ tục nhằm đạt mục tiêu và hiệu quả trong lựa chọn nhà thầu; tăng cường giám sát đánh giá đầu tư, quản lý chất lượng công trình theo quy định để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2017 đã được giao. Kết quả giải ngân cả năm 2017 đạt 98% kế hoạch.

2. Triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 04 tháng đầu năm 2018

2.1. Triển khai Nghị quyết số 01/ NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Bộ đã có các Công văn hướng dẫn: số 401/LĐTBXH-KHTC ngày 24/01/2018 hướng dẫn các dự án khởi công mới năm 2018, số 402/LĐTBXH-KHTC ngày 24/01/2018 hướng dẫn thực hiện đối với các dự án chuyển tiếp, kết thúc đầu tư. Theo đó, các chủ đầu tư đã triển khai xây dựng kế hoạch, tiến độ chi tiết thực hiện trong năm 2018 phù hợp với nguồn vốn được giao.

2.2. Tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018

Thực hiện Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 2469/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; Bộ đã triển khai công tác phân bổ vốn đầu tư công tại Quyết định số 2103/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 và đã thông báo vốn năm 2018 cho các chủ đầu tư dự án theo quy định.

Theo đó năm 2018, tổng số vốn đầu tư công của Bộ là 316,974 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước là 294,0 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 22,974 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2018, Bộ đã phân bổ cho 26 dự án đầu tư (trong đó có 07 dự án khởi công mới, 12 dự án chuyển tiếp và 07 dự án kết thúc đầu tư). Ngay từ đầu năm 2018, Bộ đã có nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tổ chức họp với các dự án khởi công để đốc đốc, nhắc nhở các dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2018 đã

giao. Tuy nhiên, do vướng Tết Nguyên đán và phải chuẩn bị nhiều thủ tục trong giai đoạn đầu năm nên kết quả 4 tháng đầu năm giải ngân đạt 80,382 tỷ đồng, bằng 25,3% kế hoạch (trong đó, vốn trong nước là 80,029 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 353 triệu đồng).

Phần thứ Ba

MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Khó khăn, tồn tại

1. Khó khăn trong thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ

Những tháng đầu năm 2018, các chỉ tiêu của ngành đều đạt kết quả khả quan; tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại sau:

(i) Việc làm cho thanh niên, sinh viên mới ra trường vẫn còn khó khăn;

(ii) Tỷ lệ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bỏ hợp đồng trốn ra ngoài cư trú và làm việc bất hợp pháp tuy có giảm song vẫn còn cao tại thị trường Hàn Quốc, Đài Loan; lao động Việt Nam vi phạm pháp luật tại thị trường Nhật Bản có chiều hướng gia tăng (đứng đầu về số vụ phạm pháp).

(iii) Tình trạng chậm đóng, nợ đọng BHXH vẫn diễn ra ở nhiều doanh nghiệp và xảy ra ở hầu hết các địa phương làm cho số nợ BHXH vẫn rất lớn (theo báo cáo nhanh của Bảo hiểm xã hội Việt Nam: số nợ BHXH đến 31/3/2018 phải tính lãi là 9.437 tỷ đồng, trong đó: nợ khó thu là 1.592 tỷ đồng; bao gồm: đơn vị ngưng hoạt động là 841 tỷ đồng, đơn vị đã và đang giải thể, phá sản là 431 tỷ, đơn vị chủ nước ngoài bỏ trốn là 45 tỷ đồng và đơn vị khoanh nợ là 275 tỷ đồng).

(iv) Tai nạn lao động tuy có giảm nhẹ so với cùng kỳ song vẫn còn xảy ra một số vụ tai nạn nghiêm trọng (theo báo cáo nhanh đến nay có 68 vụ TNLD chết người làm 78 người chết và 11 người bị thương).

(v) Nhận thức của người dân về học nghề lập nghiệp chưa thực sự chuyển biến tích cực, công tác tuyển sinh học nghề, tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp về giáo dục nghề nghiệp còn nhiều hạn chế; đặc biệt, công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề ở mức thấp do chưa có quy định rõ ràng nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng về vấn đề này.

(vi) Đời sống một bộ phận nhân dân nhất là đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ còn nhiều khó khăn... Ở nhiều địa phương còn xảy ra tình trạng xâm hại trẻ em có tính chất nghiêm trọng, kể cả trong môi trường học đường, trong gia đình, người thân gây nhiều bức xúc trong cộng đồng, ảnh hưởng đến tâm lý của mỗi người dân và nghiêm trọng hơn là đến phát triển của trẻ em.

(vii) Tình hình tệ nạn mại dâm có chiều hướng diễn biến phức tạp trở lại, đặc biệt tại một số tỉnh, thành phố lớn hoặc tại các khu du lịch, nghỉ dưỡng. Thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai còn nhiều lúng túng; công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng chưa thực sự hiệu quả...

2. Khó khăn trong thực hiện chấp hành dự toán ngân sách nhà nước

Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng Luật, Pháp lệnh: Chỉ được cân đối bố trí dự toán khi đã được đưa vào Kế hoạch của Quốc hội sẽ rất khó khăn cho các cơ quan chủ trì nghiên cứu vì khi đó thời gian không còn nhiều; mặt khác, mức dự toán bố trí cũng rất thấp không đảm bảo được việc nghiên cứu, khảo sát đánh giá, lấy ý kiến chuyên gia dẫn đến chất lượng văn bản không cao; nhiều văn bản khi trình ra Quốc hội vẫn còn rất nhiều ý kiến khác nhau. Luật, Pháp lệnh sau khi được Quốc hội thông qua cũng cần được bố trí nguồn lực để tuyên truyền, hướng dẫn để tạo được sự đồng thuận của xã hội và sớm đi vào đời sống.

II. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Ủy ban quan tâm giám sát trong các nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1). Tăng cường công tác giám sát của Ủy ban đối với các lĩnh vực Lao động, việc làm, Bảo hiểm xã hội và hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Nghị quyết của Quốc hội.

(2) Có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền trong việc cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện các Chương trình (đặc biệt là Chương trình mục tiêu), đề án, dự án theo tổng vốn đã được phê duyệt để đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình, đặc biệt là vốn đầu tư phát triển.

(3). Đề nghị Ủy ban có ý kiến với các cơ quan liên quan cân đối, bố trí kịp thời dự toán ngân sách xây dựng các Dự án Luật, Pháp lệnh để đảm bảo thời gian nghiên cứu, đánh giá nâng cao chất lượng của văn bản trình Quốc hội (kể cả ban hành mới và sửa đổi, bổ sung)/.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phụ lục
Kết quả thực hiện năm 2017 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội
 (Kèm theo công văn số 1640/LDTBXH-KHTC ngày 02/5/2018
 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Năm 2017			
				Kế hoạch	Thực hiện		
					Số liệu đã báo cáo tại Kỳ họp lần 4, Quốc hội khoá XIV	Số liệu cập nhật, bổ sung	so sánh với KH
I	CHỈ TIÊU QUỐC HỘI GIAO						
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	53	55 - 57	56	-	đạt
	Có bằng cấp chứng chỉ từ 3 tháng trở lên	“	21,39	22,5	22,5	-	đạt
2	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	“	3,24	<4	<4	3,18	đạt
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước	%	1,65	1 - 1,5	1- 1,5	1,51	vượt
	Trong đó các huyện nghèo	%	5,5	4	4	5	vượt
II	CHỈ TIÊU NGÀNH						
1	Tạo việc làm	người	1.641.000	1.600.000	1.610.000	1.639.751	102,5
1.1	Việc làm trong nước	“	1.515.000	1.495.000	1.505.000	1.505.000	100,7
1.2	Xuất khẩu lao động	“	126.000	105.000	105.000	134.751	128,3
2	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động	%	23,95	25 - 27	25,5	25,8	đạt
3	Giáo dục nghề nghiệp						
3.1	Tuyển mới	người	2.212.800	2.200.000	2.090.000	2.204.000	100,2
a	Cao đẳng, trung cấp		492.800	540.000	540.000	540.000	100,0
b	Sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng	“	1.720.000	1.660.000	1.550.000	1.664.000	100,2
	Trong đó, dạy nghề cho lao động nông thôn	“	479.700	600.000	600.000	600.000	100,0
3.2	Tốt nghiệp	“	2.211.000		-	1.900.000	
a	Cao đẳng, trung cấp		491.000		-	400.000	
b	Sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng		1.720.000		-	1.500.000	
4	Chăm sóc người có công						
4.1	Tỷ lệ gia đình NCC có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú		98,5	99	-	99	đạt
4.2	Tỷ lệ xã/phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công	%	98	98,5	-	98,5	đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Năm 2017			
				Kế hoạch	Thực hiện		
					Số liệu đã báo cáo tại Kỳ họp lần 4, Quốc hội khoá XIV	Số liệu cập nhật, bổ sung	so sánh với KH
5	Bảo trợ xã hội						
5.1	Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	%	100	100	-	100	đạt
5.2	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng	"	81	82	-	82	đạt
6	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em						
6.1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	%	86	87	-	87	đạt
6.2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	80	82	-	82	đạt
7	Phòng, chống tệ nạn xã hội						
7.1	Tỷ lệ số người nghiện được tư vấn, hỗ trợ điều trị cai nghiện so với số người nghiện có hồ sơ quản lý	%	74	78	-	78	đạt
7.2	Số người bán dâm được tiếp cận dịch vụ hỗ trợ (vay vốn, học nghề, tạo việc làm...)	"	15.000	15.000	-	15.000	đạt